

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Phòng Giáo dục thường xuyên-Nghề nghiệp và Đại học

Ý KIẾN GÓP Ý

Dự thảo Kế hoạch triển khai công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2026 - 2027

Kính gửi: Phòng Giáo dục Thường xuyên - Nghề nghiệp và Đại học

Sau khi nghiên cứu Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Dự thảo Kế hoạch, Phòng Quản lý chất lượng cơ bản thống nhất với sự cần thiết ban hành Kế hoạch. Dự thảo đã bao quát các nhóm nhiệm vụ theo quy định; tuy nhiên cần tiếp tục chỉnh sửa theo hướng ngắn gọn, đúng thẩm quyền, đo lường được và gắn với tiến độ thực tế của năm học 2026 - 2027.

Kiến nghị chung: Không lập lại toàn bộ Kế hoạch 414/KH-UBND; tập trung chuyển các mục tiêu của Thành phố thành nhiệm vụ năm học có sản phẩm, đầu mối, thời hạn, chỉ số và nguồn dữ liệu. Kèm ít nhất 03 phụ lục: tiến độ; bộ chỉ số và biểu mẫu báo cáo; quy trình phối hợp - an toàn - bảo vệ dữ liệu khi tổ chức tư vấn, trải nghiệm.

I. NHẬN XÉT CHUNG

1. Dự thảo bám sát nội dung của Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT và Kế hoạch số 414/KH-UBND, đã thể hiện nguyên tắc tôn trọng quyền lựa chọn của học sinh, không áp đặt và không chạy theo chỉ tiêu hình thức.

2. Nội dung hiện còn dàn trải, nhiều đoạn sao chép gần như nguyên văn Kế hoạch 414/KH-UBND nhưng chưa làm rõ cách thức thực hiện trong một năm học; chưa có ma trận “6 rõ”: rõ người chủ trì, rõ đơn vị phối hợp, rõ việc, rõ sản phẩm, rõ thời hạn và rõ trách nhiệm.

3. Chỉ tiêu chủ yếu mới dừng ở tỷ lệ bao phủ, chưa quy định mẫu số, cách ghi nhận một học sinh duy nhất, minh chứng, thời điểm chốt số liệu và đơn vị xác nhận. Nếu không bổ sung, số liệu giữa cơ sở giáo dục, cấp xã và Sở sẽ khó đối sánh.

4. Việc phê duyệt Khung nội dung hướng nghiệp, thẩm định tài liệu/học liệu, giao nhiệm vụ cho cơ sở giáo dục thường xuyên và giao trách nhiệm cho cơ quan, tổ chức ngoài Sở cần được phân định lại để bảo đảm đúng phạm vi, thẩm quyền.

5. Kế hoạch cần phản ánh đặc thù Thành phố có quy mô lớn, địa bàn rộng, nhu cầu nhân lực khác nhau giữa các không gian kinh tế, có khu vực xa trung tâm và đặc khu Côn Đảo; vì vậy nên tổ chức theo cụm liên trường và theo nhóm ngành, không yêu cầu từng trường tự tìm đối tác, tự xây dựng học liệu và tổ chức hoạt động riêng lẻ.

II. GÓP Ý CỤ THỂ**1. Về căn cứ, phạm vi, thời gian và thể thức**

STT	Vị trí	Vấn đề	Đề xuất chỉnh sửa
1	Căn cứ pháp lý	Dự thảo còn để trống số, ngày Kế hoạch của UBND Thành phố.	Thay bằng: “Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2026 ... giai đoạn 2026 - 2030”. Cập nhật ngày của bản dự thảo vì bản ngày 14/7/2026 có trước Kế hoạch 414/KH-UBND.
2	Tên và thời hạn	Tên ghi “giai đoạn 2026 - 2027”, trong khi yêu cầu triển khai cho năm học; nhiều chỉ tiêu lại ghi “đến hết năm 2027”.	Đổi thống nhất thành “năm học 2026 - 2027”; xác định thời gian từ khi ban hành đến hết ngày 31/8/2027. Nội dung theo dõi kết quả sau tốt nghiệp được cập nhật bổ sung đến 30/9/2027.
3	Kết cấu	Sau Mục V là “VIII. Chế độ thông tin, báo cáo”, thiếu Mục VI, VII.	Sửa thành “VI. Chế độ thông tin, báo cáo”. Rà soát toàn bộ ký hiệu điểm; tại nhiệm vụ của Phòng GDTX-NN và ĐH không dùng điểm “j)” và không bỏ sót thứ tự.
4	Đối tượng nhận	Nơi nhận mới nêu trường THPT, chưa thể hiện đầy đủ trường tiểu học, THCS, trường nhiều cấp học, trường chuyên biệt.	Bổ sung đầy đủ nhóm cơ sở giáo dục phổ thông thuộc phạm vi Thông tư 16; đối với cơ sở thuộc địa phương, gửi qua UBND cấp xã/Phòng Văn hóa - Xã hội theo phân cấp quản lý hiện hành.
5	Đơn vị ngoài Sở	Một kế hoạch của Sở đang dùng ngôn ngữ giao nhiệm vụ trực tiếp cho UBND cấp xã, báo chí, đại học, doanh nghiệp.	Chỉ giao nhiệm vụ cho các phòng thuộc Sở và đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Với cơ quan ngoài Sở, dùng “đề nghị phối hợp” hoặc dẫn nhiệm vụ đã được UBND Thành phố giao tại Kế hoạch 414/KH-UBND; cụ thể hóa bằng quy chế/kế hoạch phối hợp.
6	Thẩm quyền ban hành	Mục III.7 dùng “ban hành tiêu chí”, “ban hành tiêu chuẩn, tiêu chí kỹ thuật”, có thể	Sửa thành “rà soát, nghiên cứu, tham mưu UBND Thành phố hoặc cấp có thẩm quyền”; Sở chỉ ban hành hướng dẫn nghiệp vụ, bộ chỉ số quản lý và

STT	Vị trí	Vấn đề	Đề xuất chỉnh sửa
		vượt thẩm quyền của Sở.	biểu mẫu nội bộ trong phạm vi được giao.

2. Về Khung nội dung hướng nghiệp và tài liệu, học liệu

– Điều 4 Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT quy định Khung nội dung hướng nghiệp của cơ sở giáo dục phổ thông phải được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt trước khi thực hiện; Điều 14 giao Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức phê duyệt. Vì số lượng cơ sở giáo dục của Thành phố rất lớn, Kế hoạch cần quy định một quy trình thống nhất: Sở ban hành mẫu và tiêu chí tối thiểu; cơ sở giáo dục nộp trực tuyến; Phòng Giáo dục phổ thông tổ chức rà soát chuyên môn theo cấp học; Phòng GDTX-NN và ĐH theo dõi, tổng hợp; Giám đốc Sở phê duyệt theo đợt/danh sách. Không giao cấp xã phê duyệt thay Sở nếu chưa có cơ sở phân cấp hoặc ủy quyền hợp pháp.

– Dự thảo đang yêu cầu cơ sở giáo dục thường xuyên xây dựng và trình phê duyệt “Khung nội dung hướng nghiệp” tương tự cơ sở giáo dục phổ thông. Đề nghị phân biệt: cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Khung theo Điều 4; trung tâm GDTX, GDNN-GDTX xây dựng kế hoạch hướng nghiệp, phân luồng hằng năm và học liệu phù hợp theo nhiệm vụ được giao. Chỉ yêu cầu phê duyệt Khung đối với GDTX khi có căn cứ pháp lý hoặc hướng dẫn riêng.

– Không nên chờ vô thời hạn đến khi Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn chi tiết. Trong thời gian chuyển tiếp, Sở cần ban hành mẫu Khung tạm thời bám 05 nhóm nội dung tại Điều 4, kèm ma trận theo cấp/lớp; khi có hướng dẫn mới thì cập nhật.

– Việc cơ sở giáo dục hoặc địa phương biên soạn tài liệu, học liệu bổ sung phải qua Sở thẩm định trước khi sử dụng theo Điều 10. Cần có biểu mẫu đề nghị thẩm định, tiêu chí về tính chính xác, tính sư phạm, cập nhật thị trường lao động, quảng cáo/tuyển sinh, bản quyền, khả năng tiếp cận cho học sinh khuyết tật và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Về mục tiêu, chỉ tiêu và cách đo lường

Đề nghị giữ nguyên mức mục tiêu của Kế hoạch 414/KH-UBND nhưng chuyển thành chỉ số vận hành của năm học. Không dùng các cụm từ “tạo điều kiện”, “theo khả năng kết nối dữ liệu” để thay cho một chỉ tiêu đo lường.

Mục tiêu Kế hoạch 414	Vấn đề trong dự thảo	Đề xuất cho năm học 2026 - 2027
90% HS THCS, THPT trải nghiệm nghề nghiệp hằng năm	Đã nêu 90% nhưng chưa định nghĩa “trải nghiệm”.	Tính theo học sinh duy nhất tham gia ít nhất 01 hoạt động có mục tiêu, kế hoạch, thời lượng và minh chứng; cho phép mô phỏng/ trực tuyến có tương tác đối với địa bàn khó tiếp cận. Không tính chỉ xem quảng cáo hoặc nghe giới thiệu tuyển sinh.

Mục tiêu Kế hoạch 414	Vấn đề trong dự thảo	Đề xuất cho năm học 2026 - 2027
100% HS được tư vấn hướng nghiệp	“Ít nhất một hoạt động tư vấn” có thể chỉ phản ánh số buổi, không phản ánh số học sinh.	Tính tỷ lệ học sinh duy nhất được tư vấn trực tiếp hoặc trực tuyến; lớp 9 và lớp 12 phải có hồ sơ/phiếu kế hoạch học tập - nghề nghiệp. Bổ sung chỉ số chất lượng: mức độ hữu ích, mức độ hiểu các lộ trình và khả năng ra quyết định.
100% HS tiếp cận dữ liệu hướng nghiệp trực tuyến	Dự thảo chuyển thành 100% cơ sở “cung cấp hoặc tạo điều kiện”, làm giảm mức mục tiêu.	Giữ chỉ tiêu ở cấp học sinh; ghi nhận lượt truy cập/tài khoản hoạt động hoặc phương án tiếp cận thay thế có minh chứng cho HS thiếu thiết bị, HS khuyết tật, HS ở khu vực xa và Côn Đảo.
Đến 2030 có ít nhất 35% HS sau tốt nghiệp bậc trung học học các ngành ưu tiên	Dự thảo mới đặt chỉ tiêu 100% được tiếp cận thông tin, chưa có đường cơ sở.	Đến 31/12/2026 hoàn thành số liệu nền 2025 - 2026 theo ngành; trong quý I/2027 trình lộ trình tăng hằng năm đến 2030. Không giao chỉ tiêu ép buộc cho từng trường hoặc từng học sinh.
Đến 2030 theo dõi 100% HS sau tốt nghiệp bậc trung học	Dự thảo đẩy lên 100% cuối 2027 nhưng thêm “theo khả năng kết nối”, vừa khó khả thi vừa khó kiểm chứng.	Năm học 2026 - 2027: 100% đơn vị lập danh sách và tổ chức cập nhật; công bố tỷ lệ hồ sơ có trạng thái được xác minh sau 90 ngày. Sau khi có số liệu nền, Giám đốc Sở giao ngưỡng tăng hằng năm; không mặc định 100% ngay trong năm đầu.

4. Bổ sung nội dung theo cấp học và nhóm học sinh

– Tiểu học: hình thành nhận thức về giá trị lao động, nghề nghiệp trong gia đình/cộng đồng và khám phá sở thích; không tổ chức trải nghiệm mang tính “chọn nghề sớm”, không xếp loại năng lực nghề nghiệp.

– THCS: tập trung tự nhận thức, trải nghiệm nhóm nghề, cung cấp đầy đủ các lộ trình sau lớp 9 (THPT, GDTX, GDNN và các lộ trình hợp pháp khác); tư vấn cho học sinh và cha mẹ trước thời điểm đăng ký nguyện vọng tuyển sinh lớp 10.

– THPT: gắn lựa chọn môn/chuyên đề, ngành đào tạo, chi phí - thời gian học, cơ hội việc làm và khả năng liên thông; hoàn thành tư vấn trọng điểm cho lớp 12 trước mùa tuyển sinh, không chờ đến sau kỳ thi tốt nghiệp.

– Học sinh khuyết tật, học sinh yếu thế, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh ở địa bàn xa và Côn Đảo: có phương án tiếp cận, hỗ trợ thiết bị, đi lại, định dạng học liệu để tiếp cận và tư vấn chuyển tiếp riêng; báo cáo tách nhóm để kiểm soát công bằng.

5. Bổ sung mô hình triển khai sát thực tế Thành phố Hồ Chí Minh

– Tổ chức mạng lưới theo cụm liên trường, không để từng trường tự tìm đối tác. Mỗi cụm có danh mục cơ sở GDNN, đại học, doanh nghiệp đã kiểm tra điều kiện; lịch dùng chung; đầu mối; sức chứa; nhóm nghề; phương án vận chuyển và an toàn.

– Thiết kế cụm trải nghiệm theo không gian kinh tế của Thành phố mở rộng: dịch vụ - tài chính - số và đổi mới sáng tạo; công nghiệp chế biến, chế tạo và logistics; cảng biển - năng lượng - du lịch biển; nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ công và các nhóm nghề thiết yếu. Côn Đảo áp dụng mô hình kết hợp trực tuyến, mô phỏng và các đợt trải nghiệm tập trung.

– Năm học đầu tiên nên thí điểm một số mô hình “vừa học văn hóa, vừa học nghề” tại đơn vị đủ điều kiện; đánh giá pháp lý, chương trình, đội ngũ, chi phí, kết quả học tập và khả năng liên thông trước khi nhân rộng.

– Xây dựng danh mục đối tác dùng chung của Thành phố. Không để hoạt động hướng nghiệp trở thành kênh quảng cáo hoặc tuyển sinh độc quyền; một nội dung tư vấn phải so sánh được nhiều lộ trình về điều kiện tuyển sinh, thời gian, chi phí, hỗ trợ, văn bằng, liên thông và việc làm.

6. An toàn, tài chính và bảo vệ dữ liệu

– 100% hoạt động ngoài trường phải có kế hoạch được phê duyệt, đánh giá rủi ro, phân công giám sát, phương án y tế - giao thông - an toàn lao động, danh sách học sinh và thông tin/đồng thuận của cha mẹ theo quy định.

– Đối tác phải có tư cách pháp nhân, chức năng và năng lực phù hợp; ký cam kết không quảng cáo sai lệch, không thu tiền trái quy định, không thu thập hoặc sử dụng dữ liệu học sinh ngoài mục đích đã được thông báo.

– Trắc nghiệm nghề nghiệp và công cụ AI chỉ là nguồn tham khảo, không được dùng làm căn cứ duy nhất để phân loại hoặc quyết định tương lai của học sinh. Cần quy định tối thiểu hóa dữ liệu, phân quyền truy cập, thời hạn lưu, cơ chế sửa/xóa và không chuyển dữ liệu cho bên thứ ba trái quy định.

– Kinh phí phải có nhóm nhiệm vụ và dự toán tối thiểu: tập huấn; học liệu; nền tảng/dữ liệu; trải nghiệm; hỗ trợ nhóm yếu thế; kiểm tra - đánh giá. Không giao chung chung rồi để cơ sở tự huy động; không vận động tài trợ hoặc thu từ cha mẹ học sinh mang tính bắt buộc.

7. Phân công trách nhiệm và quản trị dữ liệu

Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm
Khung nội dung, tích hợp theo cấp học	Phòng GDPT	GDTX-NN&ĐH; QLCL	Khung mẫu; danh sách phê duyệt
Mạng lưới GDNN, đại học, doanh nghiệp	Phòng GDTX-NN&ĐH	GDPT; HSSV; UBND cấp xã	Danh mục đối tác và lịch cụm

Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Sản phẩm
Bộ chỉ số, biểu mẫu, dashboard	Phòng GDTX-NN&ĐH	Văn phòng; QLCL; GDPT	Từ điển dữ liệu; biểu mẫu; dashboard
Hạ tầng kỹ thuật, tài khoản, bảo mật	Văn phòng Sở	GDTX-NN&ĐH; QLCL	Hệ thống, phân quyền, nhật ký truy cập
Dữ liệu tuyển sinh, tốt nghiệp thuộc phạm vi quản lý	Phòng QLCL	GDTX-NN&ĐH; GDPT	Tập tổng hợp đã kiểm tra, đối sánh
Theo dõi lộ trình sau tốt nghiệp	Phòng GDTX-NN&ĐH	GDPT; Văn phòng; UBND cấp xã; QLCL	Trạng thái học tập/đào tạo/việc làm
Kiểm tra tuân thủ, quảng cáo, thu chi	Phòng Kiểm tra - Pháp chế	KH-TC; GDTX-NN&ĐH	Biên bản; kiến nghị xử lý

Nguyên tắc: Phòng GDTX-NN và ĐH là đơn vị chủ sở hữu nghiệp vụ và tổng hợp báo cáo; Văn phòng Sở chịu trách nhiệm kỹ thuật; Phòng GDPT tổ chức thu thập tại cơ sở; Phòng QLCL cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, kiểm tra chất lượng và đối sánh. Không giao nhiều đơn vị cùng “chủ trì” một tập dữ liệu.

8. Đề nghị sửa nhiệm vụ của Phòng Quản lý chất lượng

Đề nghị thay khoản 7 Mục V của Dự thảo bằng nội dung sau:

a) Phối hợp với Phòng Giáo dục Thường xuyên - Nghề nghiệp và Đại học xây dựng bộ chỉ số, phương pháp đo lường, quy tắc kiểm tra và đối sánh dữ liệu về kết quả hướng nghiệp, phân luồng; bảo đảm mỗi chỉ số có định nghĩa, mẫu số, nguồn dữ liệu, thời điểm chốt và đơn vị xác nhận.

b) Cung cấp, tổng hợp và phân tích dữ liệu đã được xác thực thuộc phạm vi quản lý về tuyển sinh lớp 10, kết quả thi và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông cùng các dữ liệu chất lượng giáo dục có liên quan, phục vụ dự báo và điều chỉnh công tác hướng nghiệp, phân luồng; không thu thập thay dữ liệu lựa chọn nghề nghiệp, việc làm hoặc tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

c) Phối hợp kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý và nhất quán của số liệu báo cáo; thực hiện đối sánh giữa kế hoạch tuyển sinh, kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp và lộ trình học tập sau tốt nghiệp; kịp thời cảnh báo sai lệch hoặc bất thường để đơn vị chủ trì xác minh.

d) Phối hợp hướng dẫn cơ sở giáo dục sử dụng kết quả tự kiểm tra hoạt động hướng nghiệp, phân luồng làm minh chứng trong công tác tự đánh giá và bảo đảm chất lượng theo

quy định hiện hành; không tự đặt thêm tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục hoặc tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia ngoài quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ) Tham gia kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả mô hình; đề xuất điều chỉnh hoặc nhân rộng trên cơ sở dữ liệu, mức độ hài lòng, mức độ phù hợp của lựa chọn và kết quả chuyển tiếp của học sinh.

9. Về chế độ báo cáo

– Giữ thời hạn nội bộ trước ngày 05/7 và 05/12 để Sở tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trước ngày 10/7 và 10/12 theo Kế hoạch 414/KH-UBND; đồng thời quy định rõ kỳ số liệu tương ứng để tránh báo cáo trùng hoặc lệch giữa năm học và năm dương lịch.

– Bổ sung 04 mốc quản trị năm học: (i) kế hoạch, đầu mối và danh sách học sinh trước 30/9/2026; (ii) khảo sát ban đầu và kế hoạch nghề nghiệp trước 31/10/2026; (iii) sơ kết học kỳ I trước 15/01/2027; (iv) báo cáo kết quả năm học trước 30/6/2027 và cập nhật lộ trình sau tốt nghiệp trước 30/9/2027.

– Ban hành biểu mẫu điện tử thống nhất. Mỗi chỉ số phải có mã, định nghĩa, tử số, mẫu số, phạm vi loại trừ, nguồn dữ liệu, chu kỳ cập nhật, người nhập, người duyệt và minh chứng; báo cáo số liệu phân tách tối thiểu theo cấp học, giới tính, khuyết tật/nhóm yếu thế, địa bàn và loại hình cơ sở.

III. KHUNG TIỀN ĐỘ ĐỀ XUẤT CHO NĂM HỌC 2026 - 2027

Thời gian	Sản phẩm/việc phải hoàn thành	Đầu mối chính
Trong 15 ngày từ khi ban hành	Sở ban hành mẫu kế hoạch, mẫu Khung, bộ chỉ số, biểu mẫu báo cáo; thành lập đầu mối và danh mục đối tác sơ bộ.	GDTX-NN&ĐH; GDPT
Trước 30/9/2026	100% đơn vị có kế hoạch, nhân sự phụ trách; nộp Khung đối với CSGDPT; lập dữ liệu nền; phân cụm liên trường.	CSGD; UBND cấp xã; các phòng Sở
Tháng 10 - 11/2026	Tập huấn đội ngũ; khảo sát năng lực, sở thích, nguyện vọng; mở tài khoản/cơ chế tiếp cận dữ liệu hướng nghiệp; phê duyệt Khung theo đợt.	GDTX-NN&ĐH; GDPT; Văn phòng
Tháng 12/2026 - 02/2027	Tư vấn cho cha mẹ học sinh; trải nghiệm theo cụm; rà soát mức độ tiếp cận của nhóm yếu thế; sơ kết học kỳ I.	CSGD; đối tác; HSSV
Trước mùa tuyển sinh 2027	Hoàn thành tư vấn trọng điểm cho lớp 9 trước đăng ký nguyện vọng lớp 10 và cho lớp 12 trước các mốc tuyển sinh; công khai bảng so sánh lộ trình.	GDPT; GDTX-NN&ĐH; CSGD

Thời gian	Sản phẩm/việc phải hoàn thành	Đầu mối chính
Tháng 5 - 6/2027	Đánh giá bao phủ, chất lượng, an toàn, chi phí; khảo sát hài lòng; báo cáo sơ bộ năm học và đề xuất điều chỉnh.	GDTX-NN&ĐH; QLCL; KT-PC
Tháng 7 - 9/2027	Cập nhật kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp và trạng thái học tập/đào tạo/việc làm sau tốt nghiệp; đối sánh và công bố số liệu năm đầu.	GDTX-NN&ĐH; Văn phòng; QLCL; GDPT

Phòng Quản lý chất lượng cơ bản thống nhất với sự cần thiết và các định hướng lớn của Dự thảo Kế hoạch. Đề nghị Phòng GDTX-NN&ĐH chủ trì tiếp tục hoàn thiện theo hướng xác định đúng phạm vi, thẩm quyền; rút gọn nội dung trùng lặp với Kế hoạch số 414/KH-UBND; bổ sung phụ lục tiến độ, bộ chỉ số và biểu mẫu dữ liệu; làm rõ cơ chế phê duyệt Khung nội dung hướng nghiệp, quản lý đối tác, bảo đảm an toàn, tài chính và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đặc biệt, cần gắn tiến độ hướng nghiệp, phân luồng với lịch tuyển sinh lớp 10, tuyển sinh sau trung học phổ thông và theo dõi học sinh sau tốt nghiệp, bảo đảm triển khai thực chất, khả thi, không áp đặt và không phát sinh lạm thu./.

TRƯỞNG PHÒNG

Trần Xuân Mai